

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN 10

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Chân quê

- Nguyễn Bính

Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?
Nói ra sợ mất lòng em
Van em, em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều
(Dẫn theo <https://www.thivien.net>)

Chọn 1 phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 7:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. tự sự
- B. miêu tả
- C. biểu cảm
- D. thuyết minh

Câu 2: Văn bản được viết theo thể thơ nào

- A. Thơ bát cú
- B. Thơ tuyệt cú
- C. Thơ lục bát
- D. Hát nói

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

A. em – cô gái

C. Thầy u

B. anh- chàng trai

D. Em và anh – cô gái và chàng trai

Câu 4: Trong những câu thơ sau, nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ gì?

Nào đâu cái yếm lụa sồi? / Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân? / Nào đâu cái áo tứ thân?/ Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

A. Câu hỏi tu từ, liệt kê

C. Liệt kê, đối lập

B. Phép đối, phép điệp

D. Câu hỏi tu từ, phép đối, phép điệp

Câu 5: Hiệu quả của những câu hỏi tu từ trong bài thơ là:

A. Bày tỏ sự trách móc của nhân vật trữ tình với người con gái; Thể hiện tâm trạng buồn bã, nuối tiếc.

B. Thể hiện chàng trai không hài lòng về trang phục của cô gái;

C. Chàng trai muốn hỏi về những kỷ vật tình yêu

D. Làm cho câu thơ sinh động, hấp dẫn

Câu 6: Từ ngữ miêu tả nhân vật “em” khi “đi tỉnh về”:

A. Áo tứ thân, khăn mỏ quạ

C. Yếm lụa

B. Dây lưng đũi

D. Khăn nhung quần lĩnh, áo cài khuy bấm

Câu 7: Tâm trạng nhân vật trữ tình được bộc lộ trong bài thơ là gì?

A. Bồn chồn, mong đợi người yêu

C. Trách móc, tiếc nuối trước sự thay đổi của người yêu, mong muốn nhắc nhở người yêu hãy giữ cái gốc mộc mạc đậm đà của truyền thống

B. bất ngờ trước những thay đổi của người yêu qua cách ăn mặc

D. Cả A, B, C

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Tác dụng của việc sử dụng thể thơ trong văn bản?

Câu 9: Anh/chị hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ?

Câu 10: Theo anh/chị, bài thơ muốn gửi gắm thông điệp gì tới người đọc?

Phần II. VIẾT: (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SÔNG LẤP(1)

*Sông kia rày đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vắng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.*

(Nguồn: *Thơ Trần Tế Xương*, NXB Văn hoá - Thông tin, 1998)

(1) Sông Vị Hoàng chảy qua thành phố Nam Định, quê hương của tác giả. Năm 1832,

sau khi triều đình cho đào sông Đào thay thế vai trò của sông Vị Hoàng, nhằm rút ngắn lộ trình đường thủy. Sông Vị Hoàng sau đó bị phù sa lấp dần. Cuối thế kỷ XIX, do cần đất để xây dựng các công sở, người Pháp đã lấp sông Vị Hoàng, vì thế con sông này không còn nữa. Nhiều người gọi là Sông Lấp, ấy là gọi để nhớ thế thôi, chứ sông đã lấp rồi thì sao còn sông nữa.

Hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

.....**Hết**.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	- Tác dụng: Thể thơ lục bát tạo được giọng điệu tâm tình, tha thiết, sâu lắng cho bài thơ và khắc họa thành công tâm trạng của nhân vật trữ tình: đợi chờ, xót xa, mong muốn người mình yêu hãy giữ vẻ đẹp chân quê, hồn quê đích thực Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.	0,5

		- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	
	9	- Chân Quê” là tính từ để chỉ tính chất mộc mạc, chân chất và bình dị, như bản chất vốn có ở thôn quê. Từ Chân Quê dùng để miêu tả tính cách và lối sống con người, theo hướng bình dị, chân chất, thật thà, trong sáng, hồn nhiên và mang đậm tình người. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được 2 nét đẹp văn hóa ngày tết: 1,0 điểm. - Học sinh nêu được 1 nét đẹp văn hóa ngày tết: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm.	1.0
	10	Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân và lí giải ý nghĩa của thông điệp Có thể theo gợi ý sau: Cần giữ gìn được nét đẹp truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời phù hợp, diễn giải thuyết phục: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	1.0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:	0,25

	Cảm nhận về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Sông Lấp” của Trần Tế Xương Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý:	2.0
	- tâm trạng nhân vật trữ tình trong bài thơ. + 2 câu đầu: u buồn, khắc khoải trước những đổi thay của hiện thực, của xã hội. + 2 câu cuối: cái giạt mình, nhằm tưởng, hồi tưởng âm thanh ->Nuối tiếc những ngày tháng thanh bình của quê hương, đất nước Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.	
	- Đánh giá chung: + Khẳng định tấm lòng yêu nước của nhà thơ. + Cách viết dung dị, đi vào lòng người.. Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý; 0,25 điểm.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5

		Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,5
I + II			10

